



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 19/11/2024 (Thứ Ba)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
2.8	21:16	00:45	↗
3.9	02:00	05:30	↘
0.1	09:39	13:30	↗
3.8	17:20	20:45	↘
3	21:58	01:30	↗
3.8	02:31	05:45	↘

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	B.Long	SITC HAODE	9.6	172	19,011	P/s3 - BP5	01:30	// Thả neo, tăng cường dây	A2-A5
2	Trung	SAN LORENZO	9.5	172	16,889	P/s3 - BP6	01:00	// Thả neo, tăng cường dây	A1-A3
3	P.Thùy - Vinh	MAERSK NINGBO	11	209	26,404	P/s3 - CL4	01:30	Hồng chân vịt mũi	A2-A9
4	Đ.Chiến - Quang	YM HORIZON	7	169	15,167	P/s3 - CL7	09:00	// 1230	A6-SG97
5	Diệu	SEKISHU INDAH	2.5	52	195	P/s1 - CL1	10:00	// 1230	08
6	Đức - Tin	KMTC KEELUNG	7.4	169	16,731	P/s3 - CL6	10:00	//1330	A5-A6
7	Quyết - H.Thanh	IMKE SCHEPERS	7.4	155	9,056	P/s3 - CL2	10:00	//1330	A2-08
8	M.Tùng - M.Cường	JOSCO SHINE	7	172	18,885	H25 - TCHP	15:30	// SR	01-12
9	N.Minh	JOSCO LUCKY	9.9	172	18,885	P/s3 - CL5	15:30	// 1900	A3-A5
10	Th.Hùng - Đào	HEUNG A HOCHIMINH	10.1	172	17,791	P/s3 - CL3	18:30	// 2130	A2-A6
11	Kiên - N.Hiển	SITC LIAONING	9.4	172	17,119	P/s3 - CL4	16:00	// 1900	A3-A6
12	V.Hải - Quyển	SAWASDEE INCHEON	10	172	18,051	P/s3 - CL7	19:00	// 2200	A1-A2
13	P.Thành - M.Hùng	MERATUS JAYAGIRI	10.5	200	25,535	P/s3 - CL3	01:00	DL, //0400	KS-AWA
14	Chương	CTP FORTUNE	8.8	162	14,855	P/s3 - CL2	22:30	// 0130	
15	P.Hung	ORNELLA	10	172	17,769	P/s3 - CL5	00:30	// 0330	
STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đặng - Duyệt	NAGOYA TOWER	11.5	260	39,941	P/s3 - CM4	00:30	MP-VTX	A10-SF2
2	P.Hung - Chương	CONTI CONQUEST	11.9	334	90,449	P/s3 - CM2	01:30	MP-VTX	MR-KS-AWA
3	N.Dũng	HAIAN BETA	8.8	172	18,852	CM1 - P/s3	01:00	MT	KS-AWA
4	P.Thành	WANA BHUM	10.6	195	24,181	P/s3 - CM4	08:30	Y/c MP	A10-SF2

5	K.Toàn - N.Tuấn	NAGOYA TOWER	11.4	260	39,941	CM4 - P/s3	11:00	MP-VTX	A10-SF2
6	Thịnh - Hồng	ONE SWAN	14	365	145,407	CM3 - P/s3	18:00	MT-3NM-DL	MR-KS-AWA
7	H.Trường - A.Tuấn	SEASPAN BEYOND	9.8	337	113,042	P/s3 - CM3	20:00	MP-VTX	MR-KS-AWA
8	Duyệt	WANA BHUM	11.5	195	24,181	CM4 - P/s3	20:30	MP	A10-SF2
STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Hà - Chính	KMTC HAIPHONG	8.4	173	18,370	CL5 - P/s3	00:00	LT	A1-A3
2	Đ.Long - Đ.Minh	SITC HAIPHONG	9.5	162	13,267	CL1 - P/s3	06:00	LT	A2-08
3	P.Cần	AMALFI BAY	9	186	29,796	CL4 - P/s3	05:00	LT	A5-A9
4	Son	WAN HAI 288	9.8	175	20,899	CL3 - P/s3	13:30	LT	A2-A9
5	Đ.Toàn - Giang	SITC HAODE	8.8	172	19,011	CL3 - P/s3	21:30	LT	A2-A5
6	Khái - Tân	SITC XINGDE	9.1	172	18,820	CL7 - P/s3	12:30	LT	A6-A9
7	T.Tùng - Duy	INCHEON VOYAGER	9.3	196	27,828	CL5 - P/s3	19:00	Cano DL, LT	A6-A9
8	N.Cường - N.Chiến	MAERSK NINGBO	9.2	209	26,404	CL4 - P/s3	19:00	Cano DL, LT	A2-A9
9	Nhật - Anh	YM HORIZON	8.7	169	15,167	CL7 - P/s3	22:00	LT	A1-A2
10	V.Hải - M.Hùng	EVER CROWN	9.5	172	18,658	CL7 - P/s3	02:00	LT	A1-A3
11	Nghị	MAERSK VERACRUZ	10.5	176	18,257	BP7 - P/s3	20:00	ĐX, LT	
12	Trung	MIYUNHE	10.1	183	16,738	BP6 - P/s3	19:30	ĐX, LT	
STT	Hoa tiêu	Tàu dời	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Nghị	MIYUNHE	10.1	183	16,738	CL C - BP6	12:00	Thả neo, tăng cường dây	A1-A3
2	M.Hải	SAN LORENZO	9.5	172	16,889	BP6 - CL C	12:00		A1-A3
3	Quân	MAERSK VERACRUZ	10.5	176	18,257	CL6 - BP7	13:00	Thả neo, tăng cường dây	A5-A9
4	T.Cần	SITC HAODE	9.6	172	19,011	BP5 - CL3	13:30	ĐX	